

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **31/2020/HNGĐ – ST**

Ngày: 31-7-2019

V/v “*Ly hôn và nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Mây
2. Ông Mai Quế Anh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 57/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020, về việc “*Ly hôn và nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Kim Thị Ngọc T**, sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: ấp Hiệp Hoàn N, xã Lộc H, huyện Lộc N, tỉnh Bình P

Chỗ ở hiện nay: Nhóm N – Công ty Vật liệu xây dựng C ống Kiến H – Địa chỉ: Đường số N, Khu công nghiệp Thịnh P, xã Lương B, huyện Bến L, tỉnh Long A

2. *Bị đơn:* Ông **Thạch T**, sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Hiệp Hoàn A, xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 02 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Kim Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Thạch T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với

ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 người con chung tên Thạch Phương T, sinh ngày 04/02/2010. Hiện con đang sống với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà và ông T không nhận ai làm con nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Suốt quá trình giải quyết vụ án bị đơn - ông Thạch T vắng mặt.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân tuân thủ quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành pháp luật. Bị đơn không chấp hành pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị Ngọc T:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Kim Thị Ngọc T được ly hôn với ông Thạch T.

+ Về con: Giao con chung tên Thạch Phương T, sinh ngày 04/02/2010 cho bà Kim Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Kim Thị Ngọc T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu ly hôn với ông Thạch T, yêu cầu của bà T được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Thạch T cư trú tại ấp Hiệp Hoàn A, xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật.

Về thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng trong vụ án: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Thạch T theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Thạch T không trình bày ý kiến của mình và vắng mặt suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị Ngọc T, sinh năm 1986 và ông Thạch T sinh năm 1985 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Hòa, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vì vậy, về quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt các thủ tục tố tụng của Tòa án theo đúng quy định pháp luật, tuy nhiên ông T không có ý kiến và không tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án là xem như từ bỏ quyền lợi của mình. Bà T xác

định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đồng thời vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

Về con chung: Xét thấy con chung Thạch Phương T hiện nay đang sống với bà T, đồng thời con có nguyện vọng sống chung với bà T nếu ly hôn. Để đảm bảo sự phát triển toàn diện cả về thể chất và tinh thần cũng như nguyện vọng của con, cần giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do không có yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà T phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 39 Bộ luật dân sự;
- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị Ngọc T
- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Kim Thị Ngọc T được ly hôn với ông Thạch T.
- Về con: Giao con chung tên Thạch Phương T, sinh ngày 04/02/2010 cho bà Kim Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2/ Về án phí: Bà Kim Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số: 0000845 ngày 27/02/2020.

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã Thuận Hòa, huyện Cầu,
Ngang, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh